

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 06/7/2024 của Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam; Quyết định số .../QĐ-TTg ngày...tháng ...năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam.

Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Văn bản số 10809-CV/VPTW ngày 06/8/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo Kết luận của Bộ Chính trị đồng ý chủ trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Ngày /11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam số.../2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày ... / /2024, tại khoản 2 Điều 1 sửa đổi hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm.

- Ngày 29/6/2024, Quốc hội khóa XV đã ban hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; tại Điều 72 quy định mức

bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần

- Ngày 06/6/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân; tại khoản khoản 2 Điều 3 quy định sĩ quan, hạ sĩ quan khi nghỉ công tác hưởng chế độ hưu trí, nếu đã được thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương được 2/3 thời hạn trở lên thì được thăng cấp, nâng lương 01 bậc lương (trừ trường hợp thăng cấp bậc hàm cấp tướng)

- Ngày 22/02/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2022/NĐ-CP quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (QNCN, CN&VCQP) chuyển ngành, CN&VCQP thôi việc theo quy định của Luật QNCN, CN&VCQP; quy định về chế độ, chính sách của QNCN, CN&VCQP không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc; đã chuyển ngành nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền quyết định trở lại phục vụ Quân đội.

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 23/12/2009 có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2009 và các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện kể từ ngày 01/7/2008. Quá trình thực hiện Nghị định số 21/2009/NĐ-CP đã giải quyết tốt chế độ, chính sách đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, nghỉ theo chế độ bệnh binh; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng; quy đổi thời gian để hưởng trợ cấp một lần theo quy định của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được; khi Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam sửa đổi, bổ sung (năm 2014 và 2024) đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, như sau:

Thứ nhất, hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10; đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số .../2024/QH15; trong đó, hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm: Cấp úy 50, Thiếu tá 52, Trung tá 54, Thượng tá 56, Đại tá 58, cấp tướng 60. Tuy nhiên, tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP đang quy định điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 2008.

Thứ hai, một số quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP đang viện dẫn thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ

về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước; Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân...); tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên hiện nay đã hết hiệu lực hoặc được thay thế bằng văn bản khác.

Thứ ba, qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật QNCN, CN&VCQP; Nghị định số 49/2019/NĐ-CP; Nghị định số 19/2022/NĐ-CP), cách thể hiện một số nội dung quy định về cùng một vấn đề chưa thống nhất, như: xếp và hưởng lương khi chuyển ngành; cách tính thời gian công tác đối với quân nhân đã chuyển ngành trở lại phục vụ quân đội...

Từ những vấn đề nêu trên, việc sửa đổi, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP là cần thiết, phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

Nhằm khắc phục bất cập hiện hành; phù hợp với các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 2024; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chế độ, chính sách đối với sĩ quan nói riêng.

2. Quan điểm xây dựng

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng đội ngũ sĩ quan QĐND Việt Nam.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đúng quy định tại Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam; không chồng chéo và không trái với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; thuận lợi, khả thi trong thực hiện.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về chế độ, chính sách đối với sĩ quan QĐND Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam

về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này loại bỏ đối tượng áp dụng là quân nhân chuyên nghiệp so với Nghị định 21/2009/NĐ-CP; bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật quân nhân chuyên nghiệp (Tại thời điểm năm 2009, Luật QNCC, CN&VCQP chưa ban hành nên Nghị định số 21/2009/NĐ-CP được áp dụng cả với quân nhân chuyên nghiệp)

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, Bộ Quốc phòng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1. Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 23/10/2024: Xây dựng dự thảo Nghị định, xin ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị Bộ Quốc phòng; hoàn thiện dự thảo Nghị định.

2. Từ ngày /10/2024 đến ngày /10/2024, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, tiếp thu và giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành. Ngày /11/2024, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định (Công văn số ngày /11/2024 của Bộ Quốc phòng).

3. Ngày / /2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số /BC-BTP về thẩm định dự thảo Nghị định.

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã tiến hành tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 02 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Điều 1 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trận; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.

Nội dung điều này gồm 08 khoản; cụ thể:

2.1.1. Khoản 1- Sửa đổi Điều 1 về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nội dung khoản này sửa đổi phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP.

Tại thời điểm ban hành Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, chưa có Luật QNCN, CN&VCQP nên các nội dung về chế độ, chính sách đối với sĩ quan được áp dụng thực hiện đối với QNCN thuộc QĐND Việt Nam. Tuy nhiên, năm 2015, Luật QNCN, CN&VCQP được ban hành; các nội dung quy định về chế độ, chính sách đã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2026/NĐ-CP. Do vậy, cần sửa đổi phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để phù hợp, đồng bộ với quy định nêu trên.

2.1.2. Khoản 2 - Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 2.

Nội dung khoản này gồm 2 điểm; cụ thể:

- Điểm a: Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 2 và điểm a khoản 2 để quy định rõ hơn về nội hàm việc thay đổi tổ chức biên chế; làm cơ sở cho việc xác định đối tượng; đồng thời, cập nhật, đồng bộ với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam năm 2024.

- Điểm b: Bổ sung 01 khoản (khoản 3) vào sau khoản 2 về thăng cấp bậc quân hàm, nâng lương đối với sĩ quan khi có quyết định nghỉ hưu để phù hợp, đồng bộ, thống nhất với khoản 2 Điều 3 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân.

2.1.3. Khoản 3 - Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 3.

Nội dung này gồm 06 điểm; cụ thể:

- Điểm a: Sửa đổi điểm c khoản 1 theo hướng không liệt kê dẫn chiếu thực hiện theo từng văn bản cụ thể mà quy định theo nguyên tắc chung về chính sách ưu tiên cộng điểm đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước; tạo thuận lợi cho thực hiện, tránh phải sửa đổi, bổ sung văn bản khi văn bản viện dẫn bị thay thế hoặc bãi bỏ.

- Điểm b: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 để phù hợp, đồng bộ với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP; thống nhất về cách thể hiện đối với cùng một vấn đề (chế độ tiền lương, phụ cấp) như đối với quân nhân chuyên nghiệp đã được quy định tại Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

- Điểm c: Sửa đổi điểm đ khoản 1, theo hướng thống nhất, đồng bộ về cách thể hiện vấn đề cách tính lương hưu với QNCN, sĩ quan công an đang quy định tại Nghị định số 49/2019/NĐ-CP, Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

- Điểm d: Bổ sung 01 điểm (điểm e) vào sau điểm đ khoản 1 quy định về chế độ chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành, nếu không đủ điều kiện hưởng lương hưu mà thôi việc, để đồng bộ, thống nhất với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

- Điểm đ: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 về chế độ, chính sách sĩ quan đã chuyển ngành sang cơ quan, đơn vị, hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo hướng thể hiện rõ hơn cách tính lương hưu, thuận lợi cho quá trình thực hiện.

- Điểm e: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 về chế độ, chính sách sĩ quan đã chuyển ngành nhưng do yêu cầu nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền quyết định trở lại phục vụ trong Quân đội để đồng bộ, thống nhất với quy định tương đồng của đối tượng QNCN, sĩ quan công an nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP, điểm đ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 49/2019/NĐ-CP.

2.1.4. Khoản 4 - Sửa đổi, bổ sung Điều 4 về chế độ chính sách đối với sĩ quan chuyển ngành sang làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo hướng thể hiện đồng bộ, thống nhất với quy định về chế độ, chính sách nêu trên đối với đối tượng quân nhân chuyên nghiệp tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

2.1.5. Khoản 5 - Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 5.

Nội dung này gồm 03 điểm; cụ thể:

- Điểm a: Thay thế cụm từ tại điểm a khoản 1 để đồng bộ, thống nhất về câu từ với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Điểm b: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, quy định rõ hơn về chế độ, chính sách sĩ quan phục viên theo hướng thể hiện đồng bộ, thống nhất với quy định đối với đối tượng QNCN tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

- Điểm c: Bổ sung 01 khoản (khoản 4) vào sau khoản 3, quy định về thời gian không được tính là thời gian công tác tham gia bảo hiểm xã hội để phù hợp, đồng bộ, thống nhất với điểm c và điểm d khoản 4 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

2.1.6. Khoản 6 - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8, làm rõ hơn quy định về cách tính mức tiền bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính lương hưu đối với sĩ quan tại ngũ chuyển sang công chức quốc phòng, để đồng bộ, thống nhất với quy định tương đồng của đối tượng QNCN quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP.

2.1.7. Khoản 7 – Thay thế cụm từ tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 9 để thống nhất về cách thể hiện theo quy định của Luật Sĩ quan QĐND Việt Nam.

2.1.8. Khoản 8 - Sửa đổi, bổ sung Điều 14, cụ thể hóa nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan trong triển khai thi hành Nghị định.

2.2. Hiệu lực thi hành (Điều 2)

Nội dung điều này quy định hiệu lực thi hành của Nghị định; thời điểm hiệu lực thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi

cao nhất theo cấp bậc quân hàm; thời hạn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm sau khi chuyển ngành.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ; Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý kiến của các Bộ; (5) Tài liệu liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Chính trị;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Cục Chính sách/TCCT;
- Lưu: VT, CT.Tu10.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**